

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 376/TTr-SNN ngày 26 tháng 12 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **02 (hai)** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã được công bố tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

(Đính kèm Danh mục thủ tục hành chính).

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình, cập nhật, niêm yết thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của Sở ngay khi Quyết định này được ban hành.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

**2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì cập nhật, cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

**3.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cập nhật Quyết định công bố và nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sau khi Quyết định này được ban hành vào Cổng Dịch vụ công quốc gia về thủ tục hành chính đúng quy định.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, địa chỉ <http://www.baria-vungtau.gov.vn>.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC) (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm CNTT và TT - Sở TTTT;
- Lưu: VT, SNNPTNT, NC7.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *Kad*



**Đặng Minh Thông**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.007917	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	<p><b>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:</b> Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p><b>- Thời gian giải quyết:</b></p> <p>(1) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (<a href="https://dichvucong.bariavu">https://dichvucong.bariavu</a>)</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</li> <li>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng</li> </ul>	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính này thực hiện theo Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa), cụ thể:</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 20 ngày;</p> <p>+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 ngày .</p> <p>(2) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa), cụ thể:</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 35 ngày;</p>		<p><i>ngtau.gov.vn</i>) (DVC trực tuyến một phần.).</p>		<p>12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong</p>	<p>nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				+ Ủy ban nhân dân tỉnh: 10 ngày.				lĩnh vực lâm nghiệp.	
2	1.007916	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	<p><b>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:</b> Các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), trừ ngày lễ.</p> <p><b>- Thời gian giải quyết:</b></p> <p>a) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn là 22 ngày kể từ ngày nhận được</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (<a href="https://dichvucong.bariavungtau.gov.vn">https://dichvucong.bariavungtau.gov.vn</a>) (DVC trực</li> </ul>	Không	<p>- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;</p> <p>- Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông</p>	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính này thực hiện theo Quyết định số 4626/QĐ-BNN-LN ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 ngày.</li> <li>+ UBND tỉnh: 03 ngày.</li> <li>+ Chủ dự án: 10 ngày.</li> <li>+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh: 05 ngày.</li> </ul> <p>b) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn:</p> <p>(1) Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của</p>		tuyển một phân).		<p>ngành và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.</p>	của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền là 57 ngày, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 ngày.</li> <li>+ UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 03</li> <li>+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 08 ngày.</li> <li>+ UBND tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế: 12 ngày.</li> <li>+ Chủ tịch UBND tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 05 ngày.</li> <li>+ Chủ dự án: 10 ngày.</li> </ul>					

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 05 ngày kể từ ngày chủ dự án nộp đủ tiền.</p> <p>+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 10 ngày.</p> <p>(2) Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền (khi số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền</p>					



Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế) là 37 ngày, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 ngày;</li> <li>+ UBND tỉnh: 03 ngày.</li> <li>+ Chủ dự án: 20 ngày.</li> <li>+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: 05 ngày.</li> <li>+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 05 ngày.</li> </ul>					

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>(3) Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền (khi số tiền nộp theo đơn giá trồng rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế) là 42 ngày, cụ thể:</p> <p>+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 04 ngày.</p>					

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				+ UBND tỉnh: 03 ngày. + Chủ dự án: 25 ngày. + Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ: 05 ngày. + Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 05 ngày.					